

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘC CHÂU
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 85/2019/HSST
Ngày: 23/5/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:*** Ông Triệu Văn Quang.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Lò Việt Huân và bà Cầm Thị Đoà.
- ***Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà:*** Ông Nguyễn Trọng Định - Thư ký Toà án.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hương Mạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 23/5/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 79/2019/HSST ngày 08 tháng 5 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2019/HSST – QĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Ngọc Đ; tên gọi khác: không Sinh ngày 31/7/1986 tại huyện M, tỉnh Sơn La. Nơi ĐKKHKT: Tổ x, khu Tân Lập x, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh; Chỗ ở: Tiểu khu x, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Hồng Q (đã chết), con bà: Tăng Thị H. Bị cáo có vợ là Trần M D (đã ly hôn); Bị cáo có 01 con, sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Ngày 12/8/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt 24 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản (chưa được xóa án tích); Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 25 tháng 02 năm 2019 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

Anh Lại Hồng M, sinh năm 1985, Nơi ĐKKHKT: Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Anh Hoàng Văn B, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ xx, phường C, thành phố S, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Anh Lê Anh T, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tiểu khu x, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La. Vắng mặt, (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Ngọc Đ là đối tượng ham chơi, lười làm, để có tiền chi tiêu cá nhân Đ đã nghĩ ra việc, sử dụng thông tin cá nhân giả để thuê xe máy tại các cửa hàng cho thuê xe máy trên địa bàn huyện Mộc Châu, sau đó sẽ mang xe máy đến thành phố Sơn La để cầm cố lấy tiền chi tiêu cá nhân. Thực hiện ý định trên Đ đã lừa đảo được 02 chiếc xe máy của anh Lại Hồng M, sinh năm: 1985, trú tại Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Khoảng 09 giờ ngày 01/02/2019 Đ đi xe ô tô khách đến thị trấn Nông trường Mộc Châu, rồi đi vào cửa hàng cho thuê xe máy của anh Lại Hồng M, sinh năm: 1985, trú tại Tiểu khu B, thị trấn N, huyện M thuê chiếc xe máy BKS: 29P1-158.72 với giá 150.000 đồng/01 ngày. Quá trình giao kết hợp đồng, Đ đưa cho anh M 01 bộ giấy tờ phôi tờ đều mang tên Trần Ngọc Đ gồm: 01 chứng M nhân dân, 01 sơ yếu lý lịch tự thuật, 01 bằng tốt nghiệp Đ học, 01 sổ bảo hiểm xã hội. Đồng thời hai bên lập hợp đồng thuê xe máy, để anh M không tìm được Đ thì Đ đã ghi nơi cư trú của Đ trong hợp đồng là tại tiểu khu 9, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Sau khi thuê được chiếc xe máy BKS: 29P1-158.72, Đ điều khiển chiếc xe máy trên đến cửa hàng cầm đồ mang tên Hoàng B tại đường Trường Chinh, thành phố Sơn La do anh Hoàng Văn B, sinh năm: 1988, nơi cư trú: Tổ xx, phường C, thành phố S là chủ cửa hàng. Đ cầm cố chiếc xe máy trên được 4.000.000 đồng, số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Lần thứ hai: Đến ngày 10/02/2019, Đ gọi điện thoại di động và nói với anh M là chiếc xe máy BKS: 29P1-158.72 Đ thuê của anh M, Đ cho bạn của Đ mượn sử dụng vài ngày, nên Đ muốn thuê thêm 01 chiếc xe máy nữa, anh M đồng ý. Đến khoảng 09 giờ cùng ngày, Đ đi xe ô tô khách đến cửa hàng của anh M thỏa thuận thuê chiếc xe máy BKS: 26B1-777.01 như lần thứ nhất hẹn đến ngày 14/02/2019 sẽ trả cả 02 chiếc xe máy cùng tiền thuê xe. Sau đó đến ngày 17/02/2019, Đ điều khiển chiếc xe máy trên đến cửa hàng cầm đồ mang tên Anh T do anh Lê Anh T, sinh năm: 1984 tại Tiểu khu x, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sơn La cầm cố chiếc xe trên được 2.500.000 đồng, số tiền này Đ đã chi tiêu cá nhân hết.

Đến ngày 14/02/2019, anh M liên lạc với Đ yêu cầu trả 02 chiếc xe và tiền thuê xe như đã thỏa thuận, nhưng Đ tắt máy điện thoại. Anh M đã đến tiểu khu 9, thị trấn Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La để tìm gặp Đ nhưng tại tiểu khu 9, thị trấn Hát Lót không có ai là Trần Ngọc Đ như thông tin Đ cung cấp cho anh M. Sau đó anh M đã có đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đề nghị giải quyết theo quy định. Sau khi tiếp nhận tin báo

ngày 24/02/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra đã triệu tập Trần Ngọc Đ đến trụ sở để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã tạm giữ của anh Hoàng Văn B: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 29P1-158.72 cùng giấy tờ liên quan đến cầm cố tài sản. Tạm giữ của anh Lê Anh T: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM Elegant BKS: 26B1-777.01 cùng giấy tờ liên quan đến cầm cố tài sản. Tạm giữ của anh: Lại Hồng M các giấy tờ liên quan đến việc thuê xe máy; Tạm giữ của Trần Ngọc Đ: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105, vỏ màu đen, bên trong lắp 01 sim điện thoại số 0326.326.186 để phục vụ cho quá trình điều tra, giải quyết vụ án.

Ngày 25/02/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu tiến hành yêu cầu định giá tài sản đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 29P1-158.72 và chiếc xe máy nhãn hiệu SYM Elegant BKS: 26B1-777.01 nêu trên. Kết luận định giá tài sản số 03 ngày 25/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Mộc Châu kết luận: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius BKS: 29P1-158.72, đã qua sử dụng trị giá 9.333.300 đồng; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu SYM Elegant BKS: 26B1-777.01, đã qua sử dụng trị giá 5.500.000 đồng. Tổng cộng trị giá 02 chiếc xe máy nêu trên là: 14.833.300 đồng.

Ngày 13/4/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mộc Châu đã quyết định xử lý vật chứng trao trả 02 chiếc xe máy nêu trên cho anh Lại Hồng M quản lý sử dụng. Anh M không yêu cầu Trần Ngọc Đ phải bồi thường công tìm kiếm và tiền thuê 02 chiếc xe máy trên.

Quá trình điều tra xác định khi anh Hoàng Văn B và anh Lê Anh T nhận cầm cố 02 chiếc xe máy nêu trên của Trần Ngọc Đ thì anh B và anh T đều không biết nguồn gốc 02 chiếc xe máy nêu trên là do Đ phạm tội mà có. Do vậy hành vi của anh B và anh T không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 BLHS. Anh B yêu cầu Đ bồi thường tiền cầm cố chiếc xe là 4.000.000 đồng và chi phí cầm cố là 1.000.000 đồng, tổng là 5.000.000 đồng; anh T yêu cầu Đ bồi thường tiền cầm cố chiếc xe là 2.500.000 đồng và chi phí cầm cố là 500.000 đồng, tổng là 3.000.000 đồng. Đ nhất trí bồi thường theo yêu cầu của anh B và anh T nhưng hiện tại Đ chưa bồi thường.

Tại bản cáo trạng số 79/CT - VKSMC ngày 06/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã truy tố bị cáo với nội dung: Truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu để xét xử đối với bị can Trần Ngọc Đ về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Đ diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu đã phát biểu ý kiến đồng thời đề nghị với HĐXX. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc Đ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ từ 21 đến 24 tháng tù.

2. Về bồi thường dân sự: Chấp nhận việc bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chi phí tìm kiếm và tiền thuê 02 chiếc xe máy.

Buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường tiền cầm cố chiếc xe máy Yamaha Sirius BKS: 29P1-158.72 là 4.000.000 đồng và chi phí cầm cố là 1.000.000 đồng, tổng là 5.000.000 đồng cho anh Hoàng Văn B và bồi thường tiền cầm cố chiếc xe SYM Elegant BKS: 26B1-777.01 là 2.500.000 đồng và chi phí cầm cố là 500.000 đồng, tổng là 3.000.000 đồng cho anh Lê Anh T.

3. Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 106, khoản 1 Điều 47 Bộ luật tố tụng hình sự. Về vật chứng của vụ án:

Chấp nhận việc cơ quan Công an đã trao trả lại 02 chiếc xe máy do bị cáo chiếm đoạt cho người bị hại.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, điện thoại đã qua sử dụng cũ, không kiểm tra máy móc bên trong. Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0326.326.186.

4. Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Tại phiên tòa, bị cáo vẫn giữ nguyên lời khai tại Cơ quan điều tra, bị cáo không thay đổi, bổ sung thêm nội dung gì làm thay đổi nội dung của vụ án. Bị cáo hoàn toàn nhất trí với cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu. Bị cáo khẳng định việc khai báo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa ngày hôm nay là hoàn toàn tự nguyện và đúng với sự việc bị cáo đã thực hiện.

Xét lời khai của bị cáo là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với đơn đề nghị của bị hại; biên bản tiếp nhận tố giác, tin báo về tội phạm; biên bản tạm giữ, thu

giữ đồ vật, tài liệu; biên bản kiểm tra phương tiện; kết luận định giá; lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: 01/02/2019 và ngày 10/02/2019 Trần Ngọc Đ đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối lừa làm hợp đồng thuê 02 chiếc xe máy của anh Lại Hồng M tổng trị giá 14.833.300 đồng rồi cầm cố cho anh Hoàng Văn B và anh Lê Anh T lấy tiền mục đích để chi tiêu cá nhân. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì động cơ vụ lợi cá nhân nên vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho gia đình và xã hội đồng thời nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội 02 lần, mỗi lần giá trị tài sản chiếm đoạt đều trên mức tối thiểu đủ yếu tố cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Do đó bị cáo bị áp dụng tình tiết “phạm tội nhiều lần”. Được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Bản thân bị cáo đã có 01 tiền án chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý nên bị cáo bị áp dụng thêm tình tiết “tái phạm”. Được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị hại đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung (phạt tiền): Quá trình điều tra và thẩm vấn công khai tại phiên tòa hôm nay thấy rằng bị cáo sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản gì có giá trị nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, người bị hại anh Lại Hồng M không yêu cầu bị cáo bồi thường tiền chi phí tìm kiếm và tiền hợp đồng thuê 02 chiếc xe, xét việc không yêu cầu bị cáo bồi thường của anh Lại Hồng M là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, không trái đạo đức xã hội. Cần chấp nhận.

Anh Hoàng Văn B yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000 đồng là số tiền bị cáo đã vay khi cầm cố chiếc xe máy và 1.000.000 đồng là tiền chi phí cầm đồ từ ngày 01/02/2019 cho đến nay, tổng cộng là 5.000.000 đồng;

Anh Lê Anh T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 2.500.000 đồng là số tiền bị cáo đã vay khi cầm cố chiếc xe máy và 500.000 đồng là tiền chi phí cầm đồ từ ngày 17/02/2019 cho đến nay, tổng cộng là 3.000.000 đồng;

Xét đây là tài sản hợp pháp của anh B và anh T, quá trình giao dịch giữa anh B và anh T ngay tình. Do vậy cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh B và anh T tương ứng với số tiền anh B và anh T đã cho vay và chi phí cầm cố tài sản.

[5] Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, điện thoại đã qua sử dụng cũ, không kiểm tra máy móc bên trong. Bị cáo đã sử dụng chiếc điện thoại này để liên lạc với bị hại anh Lại Hồng M về hành vi lừa đảo. Xét đây là công cụ bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, cần tịch thu nộp ngân sách nhà nước; Đối với 01 sim điện thoại số thuê bao 0326.326.186, xét đây là sim điện thoại của bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với anh Hoàng Văn B và anh Lê Anh T nhận cầm cố 02 chiếc xe máy nêu trên của Trần Ngọc Đ thì anh B và anh T đều không biết nguồn gốc 02 chiếc xe máy nêu trên là do Đ phạm tội mà có. Do vậy hành vi của anh B và anh T không cấu thành tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 BLHS.

[6] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo cho việc thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Ngọc Đ phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

1. Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc Đ 24 (Hai mươi bốn) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 25/02/2019.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về bồi thường dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Hoàng Văn B số tiền 4.000.000 đồng là số tiền bị cáo đã vay khi cầm cố chiếc xe máy và 1.000.000 đồng là tiền chi phí cầm đồ tổng cộng là 5.000.000 đồng;

Buộc bị cáo phải bồi thường cho Anh Lê Anh T số tiền 2.500.000 đồng là số tiền bị cáo đã vay khi cầm cố chiếc xe máy và 500.000 đồng là tiền chi phí cầm đồ tổng cộng là 3.000.000 đồng;

3. Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015; khoản 1, 2, 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Về vật chứng của vụ án:

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105, vỏ màu đen, điện thoại đã qua sử dụng cũ, không kiểm tra máy móc bên trong.

Tịch thu tiêu hủy 01 sim điện thoại số 0326.326.186.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Ngọc Đ phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng chẵn) án phí hình sự sơ thẩm và 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền: Thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Viện KSND Mộc Châu;
- Công an huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS Mộc Châu;
- THA H/S;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Triệu Văn Quang